ĐẠI THỪA QUẢNG BÁCH LUẬN
THÍCH LUẬN

QUYỂN 2

Phẩm 1: PHÁ THƯỜNG
Phần 2

Lại nữa, có chấp cho Niết-bàn là thật có thường lạc. Như Khế kinh nói: "Tỳ-kheo nên biết, có cảnh giới Niết-bàn, không sinh không diệt vô tướng, vô vi, an lạc rốt ráo". Ở đây cũng nương theo lý giáo trước cần phải phá trừ. Lại nói tụng:

Ly phược sở phược nhân
Cánh vô chân giải thoát
Sinh thành dụng khuyết cố
Thiết hữu diệc danh vô.
(Lìa buộc, nhân chỗ buộc
Lại không giải thoát thật
Vì sinh thành thiếu dụng
Nếu có cũng gọi không).

Luận nói: Trước đã nói đầy đủ về câu nghĩa của các chấp có vượt quá cảnh giới hiện lượng đối với lúc tranh luận. Tất nhiên lấy sinh quả tỷ lượng để an lập chẳng phải cảnh giới Niết-bàn có thể có đối tượng sinh. Vì sao tỷ lượng biết là thật có thường lạc? Nếu cho chủ thể sinh thì trái với tự luận, Niết-bàn không có quả nên trái với các hành, vì thế Niết-bàn chẳng phải thật có. Giả sử cho là thật có, đối với thân tự dựa nơi thắng dụng không thành tựu, sao gọi là giải thoát?

Nếu làm cho tự thân an nhiên tự tại, vĩnh viễn lìa xa trói buộc nên có thể gọi là giải thoát. Ở đây đối với tự thân không có cái dụng như vậy, vì thế giả sử có đối với thân cũng không ích lợi, như vậy nhóm nào

không dụng pháp thực hành? Nếu cho có dụng thì đồng với hữu vi, đã chấp nhận vô dụng liền đồng với sừng thỏ. Những người có trí, chắc chắn sẽ không chấp nhận, có tác dụng vô vi vô dụng thật có, cho nên biết thể Niết-bàn chẳng phải thật có. Trong nầy phiền não và tùy phiền não, lần lượt sinh ra sau đó thọ nhận các quyết định nghiệp gọi chung là phược. Do uy lực nầy khiến cho mọi hữu tình ở mãi trong lao ngục rộng lớn của sinh tử, nhận chịu các khổ ác liệt không thể giải thoát được. Các triền phược dẫn đến quả là năm thủ uẩn, gọi chung là chỗ bị trói buộc. Khổ quả đã sinh ra trói buộc thuộc về tập nhân nên không thể tự tại. Tất cả Thánh đạo có thể trừ diệt các thứ ràng buộc, gọi chung là nhân. Từ đây vĩnh viễn đoạn trừ phiền não, tùy miên, không dẫn dắt các nghiệp, không gây ra đau khổ về sau, chứng được quả giải thoát xa lìa trói buộc. Quả giải thoát ấy, chẳng phải lìa xa chủ thể, đối tượng trói buộc nầy, nhân riêng có thể thật, nghĩa là từ lúc chủ thể trói buộc được giải thoát, chẳng phải ngoài chủ thể trói buộc mà riêng chứng giải thoát, do đó như thật chứng thấy phần vị riêng biệt, thì cái kia không sinh, gọi là giải thoát. Đối tượng trói buộc cũng vậy, xa lìa phiền não trói buộc, an nhiên tự tại, phần vị sai biệt, gọi là giải thoát, không riêng có pháp nào. Nhân cũng như vậy, tác dụng sai biệt xa lìa các phiền não, gọi là giải thoát, lìa Thánh đạo ra không có pháp nào riêng biệt. Vì vậy lìa bỏ nhân của chủ thể trói buộc, đối tượng bị trói buộc nầy, không phân biệt thật có Niết-bàn giải thoát.

Lại nữa, Niết-bàn nếu có, chắc chắn là có chỗ dựa, thế thì chỗ dựa nầy, hoặc là uẩn hoặc là ngã lúc nhập Niết-bàn, đều không thể đạt được. Nên nói tụng:

Cứu cánh Niết-bàn thời
Vô uẩn diệc vô ngã
Bất kiến Niết-bàn giả
Y hà hữu Niết-bàn.
(Lúc cứu cánh Niết-bàn
Không uẩn cũng không ngã
Không thấy Niết-bàn ấy
Nương đâu có Niết-bàn?).

Luận nói: Trú nơi vị bát Niết-bàn vô dư y, uẩn trước mãi mãi diệt, uẩn sau không hề sinh, trong đó hoàn toàn không có các uẩn tiếp nối, đã không thấy có người nhập Niết-bàn, nương vào đâu mà nói có Niết-bàn chân thật? Nếu ở lúc ấy cũng chấp nhận nêu bày, có Bổ-đặc-già-la chân thật đó, thì rơi vào Như Lai diệt hậu chắc chắn có, là

kiến xứ sai lầm. Nếu vào lúc ấy không nêu bày có Bổ-đặc-già-la, trở lại giống như lỗi trước. Nhập Niết-bàn ấy, đã không thể đạt được, nên quyết định không thật có Niết-bàn, vì ở thế gian hoàn toàn chưa hề thấy những người không tham..., có các tham. Giả sử lại cho có chỗ dựa của Niết-bàn, thế thì Niết-bàn có chỗ dựa, sẽ như các tham nên tánh đó vô thường. Lại nữa, nếu thể Niết-bàn là điều ấy, thì có tướng duyên có thể hiểu rõ, sẽ như các sắc không khỏi sinh tử. Như nói Thế Tôn nếu cầu thể Niết-bàn thật có thì sẽ không ra khỏi sinh tử. Vì sao như vậy? Nói đến Niết-bàn là vĩnh viễn diệt trừ các tướng, xa lìa các sự tán động. Nghĩa kinh nầy nói: Tất cả sự tán động vọng kiến của thế gian đều xa lìa vĩnh viễn. Ở kia đã phát khởi tướng của đối tượng chấp giữ, chủ thể chấp giữ mãi mãi diệt trừ, chứng được Niết-bàn quyết định chẳng phải là tất cả chấp có xứ duyên là chỗ dựa. Có nói hai câu như thứ tự đó, Niết-bàn mãi mãi diệt trừ các tướng của đối tượng duyên, mãi mãi xa lìa tất cả chủ thể duyên tán động. Niết-bàn đã tuyệt dứt các tướng tán động, không thể dùng có mà giữ lấy Niết-bàn. Nhưng kinh nói có các cảnh giới Niết-bàn, là vì phá sạch cái thấy không có Niết-bàn. Chấp có sinh tử vô thỉ vô chung, nhất quyết không có cảnh giới nhập Niết-bàn, nên Đức Phật nói có phiền não các khổ hừng hực mãi mãi diệt trừ. Cảnh giới nhập Niết-bàn là không sinh không diệt vô tướng vô vi cứu cánh an lạc, lập nên đạo lý nầy để hiển bày ngọn lửa sinh tử chẳng phải thường còn liên tục mãi mãi, không có kỳ hạn diệt trừ, từ các duyên sinh ra nên có tổn não, giống như lửa cháy núi rừng ở thế gian. Nghĩa là khổ sinh tử tuy từ vô thỉ đến nay nương vào các duyên sinh tương tục không ngừng, nếu gặp thiện hữu nghe pháp tu hành, lúc Thánh đạo vô lậu hiện bày trước mắt, diệt trừ các phiến não không khởi lên các nghiệp, khổ sau không tiếp nối, gọi là Niết-bàn, giống như ở thế gian củi hết thì lửa tắt. Như thế đã chứng được Niết-bàn Thánh đạo nầy, tịch diệt cứu cánh xa lìa tánh tướng, mãi mãi tuyệt dứt tất cả hý luận phân biệt. Do đấy Khế kinh tuyên nói các loại, đều là phương tiện trừ cái chấp vọng kiến, những người có trí nên hiểu biết đùng đắn, chớ cho Niết-bàn là có hoặc không. Nếu đối với sinh tử khởi lên các phân biệt thì dễ dàng thực hành phương tiện cho đoạn trừ điều đó. Nếu đối với Niết-bàn khởi lên các phân biệt thì căn bệnh sâu xa kiên cố đó khó có thể cứu chữa. Vì thế không nên chấp trước có không...

Lại nữa, ngoại đạo Số luận nói lời như vầy: Nhân quả tán hoại hy vọng dừng lại, chỉ có tư ngã ly hệ tồn tại, bấy giờ gọi là Niết-bàn giải thoát. Vì phá chấp ấy nên nói tụng:

Ngã thời xả chư đức
Ly ái hữu hà tư.
(Ngã lúc bỏ các đức
Lìa ái có tư gì?).

Luận nói: Tùy theo cảnh được hiện bày mà phân biệt thọ dụng, ông nói là tư, liến chấp làm ngã. Ở đây chắc hẳn không lìa căn cảnh hòa hợp? Hai sự việc như vậy không lìa bỏ hy vọng, vì căn cảnh hòa hợp tràn đầy hy vọng, tùy theo cảnh được hiện nên tư lập tức thọ dụng, lúc nhập Niết-bàn thì hy vọng dừng lại, nhân quả tán hoại sao có thể có tư, đã không có tư thì ngã chẳng phải có, vì sao ông nói chỉ có tư ngã ly hệ tồn tại, bấy giờ gọi là Niết-bàn giải thoát? Nếu ông lại cho lúc nhập Niết-bàn tuy không có tư nhưng có ngã tồn tại, ở đây cũng không phải vậy. Nên nói tụng:

Nhược hữu ngã vô tư
Tiện đồng vô sở hữu.
(Nếu có ngã không tư
Thì đồng không hề có).

Luận nói: Tông của ông cho ngã tư là tánh tướng, lúc nhập Niết-bàn thì tư đã chẳng có, tánh tướng đều diệt, lại không có gì. Tiếp tục nương vào vật gì mà nói có ngã? Nếu cho bấy giờ tuy không có dụng của tư nhưng có chủng tử thể của ngã hãy còn tồn tại, giống như nhãn căn thấy sắc là dụng, có lúc dụng sẽ mất nhưng nhãn thể tồn tại, ở đây cũng không phải vậy. Nếu có chỗ dựa thì có thể có việc nầy. Vì sao? Vì công năng sai biệt, gọi là chủng tử. Như vậy chủng tử chắc chắn nương vào nơi khác, đã không có chỗ dựa làm sao có chủng tử? Công năng sai biệt của các hành đời trước dẫn dắt trên thức, có thể sinh ra công năng sai biệt của nhãn thức, nên gọi là nhãn. Như vậy nhãn căn nhất định nương nơi thức A-lại-da và bốn đại chủng. Nhân quả tán hoại trong vô dư y, hy vọng tư lự thảy đều diệt hết, hoàn toàn không có chỗ nương, lại cho có thể của ngã là chủng tử, lý không phải như vậy. Lại nữa, nếu chấp ngã chính là chủng tử, từ đó phát khởi tư tùy ý thọ dụng sai biệt, ngã nầy sẽ thuộc về tối thắng, có công đức thù thắng nên khởi lên các pháp. Lại nữa, nếu chấp ngã là chủng tử có chỗ dựa, từ đó làm nhân, có thể sinh ra quả tư, thì đánh mất tự tông. Tư chính là ngã, mất tư ngã thì tánh đó biếng trễ, chỉ là thọ mà chỉ mà chẳng phải là tác. Nếu chấp ngã chẳng phải là tư, ông nay phải nói ngã tướng như vậy. Nếu không nói tướng mà ngã thành tựu, thì thuận theo tất cả vọng chấp đều thành. Lại nói tụng:

Vô dư hữu ngã chủng
Tắc định năng sinh tư
Yếu vô ngã vô tư
Chư hữu nãi vô hữu.
(Hoàn toàn có ngã chủng
Chắc chắn năng sinh tư
Phải không ngã, không tư
Các có mới không có).

Luận nói: Nếu cảnh giới bát Niết-bàn vô dư y có chủng tử ngã không mãi mãi trừ sạch ấy, thì sẽ chắc chắn sinh mà hiện khởi tư. Ngã không khác nên giống như ở trước. Nếu tư hiện khởi thì có tất cả, sao gọi là giải thoát sinh tử trói buộc? Nếu nói trong nầy tuy có chủng tử ngã nhưng các câu thiếu hụt nên tư không thể sinh được. Điều nầy cũng không phải vậy. Ngã không khác nên sẽ như ở trước, các câu không thiếu sót. Lại nữa, ông vốn chấp thể của ngã là rộng khắp, cùng với các câu khác luôn luôn tương ưng nhau, không có biệt xứ nên giống như tự có, vì sao lại nói các câu có thiếu sót? Nếu nói các câu đều thuộc về ngã, tuy các câu khác luôn luôn tương ưng nhau, không thuộc về tự kỷ nên nói có thiếu sót. Điều nầy cũng không như vậy. Xứ không khác biệt nên luôn luôn tương ưng nhau, sao không thuộc về tự kỷ? Như vậy chỗ chấp về sau sẽ phá hỏng rất nhiều. Nếu nói quả vị tịch diệt cứu cánh nầy, vốn không có ngã, nay lại không có tư, do đó tất cả chủng tử không có chỗ dựa, tức thì mãi mãi diệt trừ không sinh có về sau, giống như không có chủng tử bên ngoài thì các mầm không sinh. Như vậy tức gọi là giải thoát cứu cánh, chẳng không chẳng có, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng khổ chẳng vui, chẳng có ngã vô ngã, chẳng nhiễm chẳng tịnh, tuyệt dứt mọi hý luận, là đích thực tà kiến bác bỏ không có Niết-bàn, nên nói là thật có thường lạc ngã tịnh. Đây là phương tiện mà nói, không nên nhất quyết chấp trước, đã không chấp có cũng chẳng bác bỏ không, như thế mới gọi là chánh tri giải thoát.

Lại nữa, ngoại đạo Thắng luận nói lời như vầy: Nếu có thể mãi mãi trừ sạch cội gốc của khổ vui, xả bỏ tất cả chỉ còn ngã tồn tại, an nhiên tự tại không gắng gọi làm bất cứ điều gì, thường trụ trong an lạc, gọi là Niết-bàn. Niết-bàn như vậy chắc chắn hài lòng. Nếu chỉ có khổ diệt mà không có ngã, thì là đoạn hoại, sao gọi là Niết-bàn? Hơn nữa, Niết-bàn nầy lìa các trói buộc, tự tại là tướng, người trí vui mừng ưa thích, thể dường như hoàn toàn không, đâu có gì vui mừng ưa thích? Đây là có hư ngôn mà chẳng có nghĩa thật, để phá cái chấp kia nên tụng

tiếp theo nói:

Nhược ly khổ hữu ngã
Tắc định vô Niết-bàn
Thị cố Niết-bàn trung
Ngã đẳng giai vĩnh diệt.
(Nếu lìa khổ có ngã
Chắc chắn không Niết-bàn
Vì thế trong Niết-bàn
Các ngã đều trừ sạch).

Luận nói: Ông chấp tất cả các pháp khổ lạc đều là đức ngã, cho đến chưa diệt hằng thường tùy theo chỗ dựa tự ngã, vì sao trong nầy cùng lìa xa với ngã? Vì ngã không khác, nên giống như ở trước tương ưng với cái kia. Lại nữa, các khổ lạc trong vô dư y sẽ không mãi mãi xa lìa chỗ dựa của tự ngã là đức ngã, giống như các số. Như ông đã chấp một đức khắp mọi đức là đức ngã, thường và ngã kết hợp, các khổ cũng như vậy, vì sao xa lìa nhau? Như vậy ngã nầy, bức ép nơi lý của cảnh giới bát Niết-bàn vô dư y, cũng cùng các khổ tương ưng các đức, vậy Niết-bàn chắc chắn không có, ngã luôn luôn bị ràng buộc nên không giải thoát, sinh tử chỉ có các khổ tụ tập, vì lực nhân duyên nên luân hồi từ vô thỉ, vô minh mê hoặc vọng sinh ngã chấp. Nghĩa là ngã luôn luôn bị lửa khổ đau thiêu đốt, sợ mất ngã nên không cầu mong giải thoát. Nói cầu thoát cũng không thể chứng được, vọng chấp ngã nên các khổ hừng hực. Những người có trí chân thật nương theo thiện hữu hiểu biết không sai lầm mọi việc như thế, vì muốn chấm dứt khổ đau hừng hực, chuyên cần phương tiện như cứu lửa cháy đầu, được nước Thánh tuệ luôn luôn tưới vào, như mãi mãi dập tắt củi cháy hừng hực, tịch tĩnh, an lạc, gọi là Niết-bàn. Sinh tử toàn là khổ đau vô cùng như vậy, mãi mãi trừ diệt ngọn lửa cháy rực là đạt đến Niết-bàn an lạc, những người có trí ai không vui thích! Ai có trí ấy, thân mắc trọng bệnh, vì sợ thân dứt trừ nên vui thích khổ đau nầy? Chỉ có người ngu mới có thể làm việc nầy. Như các loài hữu tình trong địa ngục, tuy bị các thứ lửa dữ thiêu đốt, khổ đau hành hạ thường xuyên không hề tạm nghỉ, nhưng lại vô cùng ái chấp đối với tự thân ấy, đều là do uy lực của các nghiệp đã tạo, vô minh vọng kiến lầm lạc trói buộc, chưa nhổ sạch gốc rễ phiền não khổ kiến, khiến cho các hữu tình kia sợ hãi đoạn diệt. Người trí quán thấy các hành tương tục, không - vô - hữu ngã toàn là khổ đau quy tụ, đoạn diệt mãi mãi thì cớ sao kinh hãi? Cho nên nếu có thể lìa bỏ ngã kiến, nhất định vui mừng vĩnh diệt Niết-bàn. Từ đó cũng có thể xả bỏ

đoạn kiến, vì thấy ngã đoạn, gọi là đoạn kiến, không phải chỉ đoạn khổ mới gọi là đoạn kiến. Vì vậy Khế kinh nói: "Vì thấy ngã thế gian vĩnh viễn đoạn hoại, gọi là đoạn kiến". Nói thế gian, là hiển bày việc ngã sở chấp vào ngã và ngã sở có thể chân thật, khi nghe đoạn cái kia liền sinh đoạn kiến, nếu không chấp ngã sở thì không có đoạn kiến, chỉ dựa vào sự việc chấp trước ngã và ngã sở, phát khởi hai cái thấy đoạn -thường điên đảo. Đại sư vô thượng lập nên cái thấy biến chấp, từ đó vọng thấy sinh tử ràng buộc, lửa dữ khổ đau bùng cháy làm cho tăng thêm nhiều hơn, bức bách vô lượng hữu tình ngu muội. Vì vậy Thế Tôn ngợi ca vĩnh viễn diệt trừ, lìa dục tịch tĩnh an lạc tối thắng khiến cho tất cả có thể đổi thay tâm tư vui mừng tột cùng. Như vậy Niết-bàn chẳng phải không chẳng phải có, diệu trí đã chứng gọi là thắng nghĩa. Lại nữa, là nghĩa thù thắng nhất trong các nghĩa, vượt qua nghĩa nầy lại không có nghĩa nào đáng cầu, nên gọi là thắng nghĩa. Lại nữa, có nơi nói như vầy: Thường pháp chắc chắn có, vì Thắng nghĩa đế không sinh không diệt chân thật tốt đẹp có khả năng làm đối tượng duyên sinh ra Thánh trí. Điều nầy cũng không đúng, vì chẳng phải thắng nghĩa. Nếu Thắng nghĩa đế là thật có như vậy, sẽ như các sắc thuận theo các duyên sinh. Nên chẳng phải duyên sinh, sẽ như lông rùa sừng thỏ, thể chẳng phải thật có. Lại không đồng với dụ có nhân không thành. Giả như cho nhân thành thì chẳng phải thường trụ. Lại nữa, thể của Thắng nghĩa đế nếu là có, sẽ như các bình, chẳng phải cảnh của Thánh trí, nếu nơi chân Thánh trí duyên với cảnh hữu vi, sẽ như trí khác, chẳng phải nhân Thánh trí, không đoạn phiền não, không chứng Niết-bàn. Lý của Thắng nghĩa đế là chẳng phải không, chẳng phải có, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, muốn ở trong đó cầu tánh ít có, chắc chắn không thể đạt được. Để hiển bày nghĩa nầy, nên tụng tiếp theo nói:

Ninh tại thế gian cầu
Phi cầu ư thắng nghĩa
Dĩ thế gian thiểu hữu
Ư thắng nghĩa đô vô.
(Thà cầu nơi thế gian
Chẳng cầu ở thắng nghĩa
Vì thế gian ít có
Nơi thắng nghĩa đều không).

Luận nói: Pháp ở thế gian đại khái có ba loại:

1. Pháp được nhận biết, như các loại sắc thanh.
2. Pháp hiện thọ dụng, như các bình lọ, y phục. Hai pháp như vậy

thế gian cùng biết có, không cần phải thành lập.

3. Pháp có tác dụng, như các loại mắt tai, nhờ những tác dụng ấy nên chứng biết là có.

Như vậy ba pháp nầy là đi vào cảnh thọ dụng hiểu biết của thế tục.

Thế gian lại có ba loại pháp không, đó là cứu cánh không (vô) và tùy theo ba pháp không của thời gian trước sau, vì chọn lấy cái không nầy nên nói là ít có. Đồng thời chọn lấy vọng kiến lập các pháp nên nói là ít có. Ba có ba không ở thế tục như vậy, nương theo thắng nghĩa mà nói, đều chẳng phải là chân thật. Vì Thắng nghĩa đế chẳng phải có chẳng phải không, ngôn ngữ phân biệt đều không thể đạt đến. Thà ở trong sự hư ngụy của thế gian mà mong cầu có tánh ít biến đổi, còn có thể được, ở trong lý chân thật của Thắng nghĩa đế mà mong cầu có tánh cứu cánh khó đạt được. Vì một chút tánh có ở thế gian nầy, đối với điều ấy hãy còn không có, huống là tánh có khác. Nếu như vậy thà vui với thế gian ít có như vậy không cần phải cầu thắng nghĩa đều không như thế. Vì ở thế gian tuy có các thứ tai họa sai lầm, mà có ít pháp có thể thọ dụng được, ở trong Thắng nghĩa đế không có ít pháp, nào có thọ dụng gì. Không như vậy thì thắng nghĩa thế gian có khổ - không khổ nên đáng vui cầu chán bỏ. Ai là người có trí, biết nước không trừ khử nỗi khổ trong bệnh, lại cầu uống nhiều. Thương thay thế gian ngu si điên đảo, vui mừng ca ngợi sinh tử hừng hực các khổ, chán nản chê bai thắng nghĩa an lạc tịch tĩnh! Lời ngu si như vậy hà tất phiền lòng nghe nhận? Vì thế người trí nên chuyên cần tinh tiến quán sát các pháp không, đối với khổ đau sinh tử nên như nguyện tà, đối với niềm vui thắng nghĩa nên tu chánh nguyện. Đầy đủ ba phần giải thoát như vậy, cho dù tiếp tục sống mãi trong biển cả sinh tử tạo lợi lạc cho hữu tình, từ đó khéo léo thông suốt câu nghĩa nơi Khế kinh, phương tiện tuyệt vời chứng đạt pháp không, tuy ở nơi lửa dữ mà không bị thiêu đốt, tuy hiện bày sinh tử mà luôn luôn giải thoát.